TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Lê

Bà Quách Thị Hoàng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L; sinh năm: 1986; HKTT: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn L1; sinh năm: 1973; HKTT: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh L1, vắng mặt chị L. Chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn L1 kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 21/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 14 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không

ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thu U, sinh ngày 19/02/2010, cháu Phạm Huyền Q, sinh ngày 23/9/2014 và cháu Phạm Hoàng G, sinh ngày 04/10/2018. Hiện cả ba cháu đang ở với anh L1. Nếu ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U; giao cháu Q và cháu G cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu U và cháu Q. Chị cấp dưỡng nuôi cháu G hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu G thành niên.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn là anh Phạm Văn L1 trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 18 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu chị L cương quyết ly hôn, anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thu U, sinh ngày 19/02/2010, cháu Phạm Huyền Q, sinh ngày 23/9/2014 và cháu Phạm Hoàng G, sinh ngày 04/10/2018. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q và cháu G; giao cháu U cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu U và cháu Q. Yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu G hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu G thành niên.

Về tài sản: Anh L1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị L, anh L1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Văn L1. Giao cháu Phạm Thu U, sinh ngày 19/02/2010 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Huyền Q, sinh ngày 23/9/2014 và cháu Phạm Hoàng G, sinh ngày 04/10/2018 cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu U và cháu Q. Chị L cấp dưỡng nuôi cháu G hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2024

cho đến khi cháu G thành niên. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn L1, nơi cư trú tại Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Phạm Thị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng tình cảm của nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Chị L cương quyết muốn được ly hôn. Anh L1 cũng trình bày: nếu chị L cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị L, anh L1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh L1.

[3] Về con chung: Chị L và anh L1 có 03 con chung. Xét thấy, cháu U có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; cháu Q có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Một người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba cháu sẽ không đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu được. Ngoài ra, chị L và anh L1 đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu chu U và cháu Q: chấp nhận yêu cầu của chị L và anh L1: giao cháu U cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Q và cháu G cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu U và cháu Q.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L1 đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi cháu G theo đề nghị của chị L. Buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu G hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu G thành niên.

[4] Về tài sản: Chị L, anh L1 không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Văn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thu U, sinh ngày 19/02/2010 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Huyền Q, sinh ngày 23/9/2014 và cháu Phạm Hoàng G, sinh ngày 04/10/2018 cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu U và cháu Q. Chị L cấp dưỡng nuôi cháu G hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu G thành niên.

Chị L, anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004326 ngày 16/5/2024. Chị L còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm. Anh L1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Mỹ Tân;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh